

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ
xét giao trực tiếp bắt đầu thực hiện từ năm 2020**

**BỘ TRƯỞNG
BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 33/2014/TT-BKHCN ngày 06 tháng 11 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Ban hành quy chế quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-BKHCN ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Văn phòng Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Quyết định số 4198/QĐ-BKHCN ngày 30 tháng 12 năm 2016 phê duyệt Chương trình khoa học và công nghệ cấp Bộ giai đoạn 2017-2020: “Giải pháp chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng”;

Trên cơ sở kết quả làm việc và kiến nghị của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ bắt đầu thực hiện từ năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo và Chánh Văn phòng Bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh mục 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Bộ thuộc Chương trình KH&CN cấp Bộ giai đoạn 2017-2020: **“Giải pháp chính sách khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo nhằm góp phần nâng cao năng suất lao động phục vụ đổi mới mô hình tăng trưởng”** để xét giao trực tiếp cho Viện Chiến lược và Chính sách KH&CN bắt đầu thực hiện từ năm 2020 (*chi tiết tại các phụ lục kèm theo*).

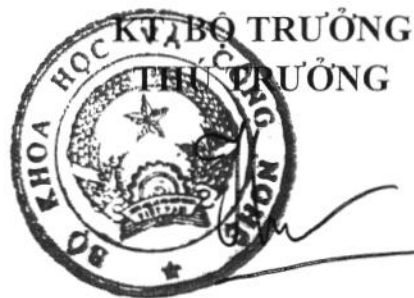
Điều 2. Giao Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo tổ chức thông báo nội dung các nhiệm vụ nêu tại Điều 1 trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Khoa học và Công nghệ theo quy định.

Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo có trách nhiệm tổ chức triển khai thủ tục xét giao trực tiếp, thẩm định kinh phí, phê duyệt nhiệm vụ và ký hợp đồng khoa học và công nghệ đối với các nhiệm vụ trong danh mục theo Quyết định số 3107/QĐ-BKHHCN ngày 17 tháng 10 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ủy quyền Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo quản lý một số nhiệm vụ chi từ nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ và các quy định hiện hành; sắp xếp danh mục các nhiệm vụ, bố trí kinh phí các nhiệm vụ theo thứ tự ưu tiên phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước.

Điều 3. Giám đốc Học viện Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo, Chánh Văn phòng Bộ và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, VP.



Bùi Thế Duy

Phụ lục



DANH MỤC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP BỘ XÉT GIAO TRỰC TIẾP THỰC HIỆN BẮT ĐẦU TỪ NĂM 2020

(Kèm theo Quy định định số 36/2019/QĐ-BKHCN ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

| T | Tên nhiệm vụ KHCN | Mục tiêu | Sản phẩm dự kiến đạt được | Dự kiến thời gian thực hiện | Phương thức tổ chức thực hiện | Ghi chú |
|---|---|---|--|-----------------------------|--|---------|
| 1 | Nghiên cứu đề xuất các chỉ số tổng hợp phản ánh đóng góp, tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI) đối với tăng trưởng kinh tế phù hợp với điều kiện Việt Nam | Đề xuất được các chỉ số tổng hợp phản ánh đóng góp, tác động của hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (STI) đối với tăng trưởng kinh tế phù hợp với điều kiện Việt Nam | <p>4</p> <p>1. Yêu cầu chung đối với các chỉ số:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Định lượng, tính toán được; - Mang tính phổ dụng và so sánh quốc tế; - Phù hợp với đặc thù, điều kiện thực tế Việt Nam; - Các sản phẩm trung gian cần được cung cấp kịp thời cho xây dựng Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và STI giai đoạn 2021-2030. <p>2. Yêu cầu các nội dung cụ thể:</p> <p><i>Nội dung 1:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích các cơ chế đóng góp, tác động của STI đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam; chỉ ra những mối liên hệ chính giữa STI và tăng trưởng kinh tế trong điều kiện Việt Nam. <p><i>Nội dung 2:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Rà soát, phân tích nội hàm, ý nghĩa các chỉ số STI chủ yếu và các chỉ số tăng | 5 12 tháng | Giao trực tiếp cho Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ | 7 |

| | | | | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|
| | | | <p>trường kinh tế hiện được các tổ chức quốc tế, một số nước trên thế giới, cũng như Việt Nam sử dụng; đánh giá sự sẵn có và các điều kiện cần bổ sung về dữ liệu của các chỉ số này trong điều kiện Việt Nam.</p> <p>Nội dung 3:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, phân tích, lý giải để lựa chọn và xây dựng một số chỉ số tổng hợp từ các chỉ số STI và các chỉ số khác phản ánh đóng góp, tác động của STI đối với tăng trưởng kinh tế; Mô tả phương pháp và đề xuất các yếu tố cần thiết để tính toán một số chỉ tiêu tổng hợp chủ yếu về sự đóng góp của STI đối với tăng trưởng kinh tế của Việt Nam. <p>3. Sản phẩm dự kiến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tổng hợp, báo cáo tóm tắt; các báo cáo nghiên cứu về các nội dung nêu trên; - 01 bài báo đăng ở tạp chí chuyên ngành | | | |
|--|--|--|--|--|--|--|